

Bản án số: 30/2025/HS-ST
Ngày: 30-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Kim Tuyền; nghề nghiệp: Giáo viên.

Ông Bùi Tấn Dũng; cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2025, đối với bị cáo:

Đỗ Văn T, sinh ngày 10/11/2006, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Cao T1 và bà Nguyễn Thị Như N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: chưa có; tạm giữ, tạm giam: Không; có mặt.

- Bị hại: Lê Bảo K, sinh ngày 27/4/2007; nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 24/02/2010; nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Nguyễn Hồng K1, sinh ngày 31/7/2010; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3. Nguyễn Văn K2, sinh ngày 02/7/2010; nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Hoài P, sinh ngày 01/01/1986 và Lê Thị Trúc M, sinh ngày 01/01/1974; là cha mẹ, đại diện theo pháp luật cho Nguyễn Minh Đ. Huỳnh Thị P1, sinh ngày 01/01/1964 (đại diện theo ủy quyền cho Nguyễn Hoài P, Lê Thị Trúc M); cùng nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Nguyễn Thiện K3, sinh ngày 01/01/1986 và Phan Thị Thùy L, sinh ngày 06/3/1990; là cha mẹ, đại diện theo pháp luật cho Nguyễn Hồng K1; cùng nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3. Nguyễn Văn T2, sinh ngày 01/01/1981 và Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 01/01/1990; là cha mẹ, đại diện theo pháp luật cho Nguyễn Văn K2; cùng nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Người làm chứng:* Trần Ngọc M1, Lê Văn Khánh T3, Nguyễn Tuấn K4, Bùi Quốc Đ1, Nguyễn Thị Ú, Trần Văn B, Phan Văn H1, Huỳnh Thị Hải N1, Nguyễn Thị Như N, Nguyễn Thị Tường V; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước giữa Nguyễn Minh Đ với Lê Bảo K, Đ nói lại với Đỗ Văn T, Nguyễn Hồng K1, Nguyễn Văn K2, và hẹn ngày 16/11/2024 đi tìm K trả thù, tất cả đồng ý. Vào 18 giờ ngày 16/11/2024, K1 điều khiển xe mô tô biển số 66H8-2855 (của Nguyễn Thị Tường V, cô của K1) và đem theo 01 con dao tự chế, đến nhà của T để rước T đem theo con dao tự chế (giấu trong áo khoát). Kỳ tiếp tục điều khiển xe đến nhà của K2 đem theo 02 con dao tự chế. K1 điều khiển chở T, K2 đến nhà của Đ. K2 đưa cho Đ 01 con dao tự chế. Lúc này, Bùi Quốc Đ1 điều khiển xe đạp điện đi ngang qua, nên Đ nhờ Đ1 chở đi. Cả nhóm hướng đến quán nước giải khát của bà Trần Ngọc M1 thuộc ấp L, xã L. Khi cách quán bà M1 khoảng 50 mét, Đ kêu cả nhóm dừng xe lại. Riêng Đ1 điều khiển xe đi tiếp. Đ cầm 01 con dao tự chế đi trước xem K có tại quán không, rồi quay lại thông báo cho T, K1, K2 (mỗi người cầm 01 con dao) biết. Khi cả bốn đến trước của quán bà M1 thì K1 đứng ngoài quán và đưa con dao cho T (cầm 02 con dao), Đ (cầm 01 con dao), K2 (cầm 01 con dao) xông vào quán. Đứng đến chỗ K đang ngồi, dùng dao chém xuống nền nhà 01 cái làm dao bị cong, tiếp tục chém 03 cái trúng đầu gối chân trái, khuỷu tay phải và bắp chân phải của K. Cùng lúc này T đi vòng phía sau lưng của K dùng con dao cầm tay phải chém 01 cái trúng vào

lưng của K. Còn K2 cầm dao đứng bên ngoài (không chém). Lúc này, thấy K chảy nhiều máu nên cả nhóm bỏ đi và đem 04 con dao đến nhà của Phan Văn H1 (là bạn của cả nhóm) cất giấu. Còn K được mọi người xung quanh đưa đến Bệnh viện Đa khoa Khu vực tỉnh A điều trị, đến ngày 25/11/2024 xuất viện.

Ngày 27/11/2024, Lê Bảo K có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Đỗ Văn T, Nguyễn Minh Đ và 02 người gây thương tích cho K.

Vật chứng:

- 01 (một) con dao có chiều dài 50 cm, cán bằng gỗ dài 13 cm, chiều dài lưỡi dao 37 cm mũi dao bầu nhọn, bề bản nơi rộng nhất 05 cm, nơi hẹp nhất 04 cm, bị cáo T dùng để chém gây thương tích bị hại K; 01 (một) con dao có chiều dài 62 cm, cán vuông bằng kim loại được quấn bằng băng keo màu đen dài 18 cm, lưỡi bằng kim loại dài 44 cm mũi dao bầu nhọn bề bản cây dao 3,2 cm, bị cáo T cầm đến hiện trường; 01 (một) con dao có chiều dài 52 cm, cán bằng gỗ dài 13,5 cm, lưỡi bằng kim loại có chiều dài 38,5 cm bề bản của cây dao là 04 cm, (lưỡi bị cong 1/3 ngoài mũi dao), Nguyễn Minh Đ dùng gây thương tích cho bị hại K; 01 (một) con dao có chiều dài 52 cm, cán bằng gỗ dài 13,5 cm, lưỡi bằng kim loại có chiều dài 38,5 cm bề bản của cây dao là 04 cm, Nguyễn Văn K2 cầm đến hiện trường (Tất cả do Phan Văn H1 giao nộp), là hung khí dùng để gây thương tích.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu FANLIM, màu sơn đỏ đen, số máy: MH-036106, số khung: 5X-036106, biển số 66H8-2855. Do Nguyễn Thị Tường V (cô ruột của Nguyễn Hồng K1) đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc với chị V, do đi làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh để lại xe cho Nguyễn Thiện K3 (em của chị V) quản lý, sử dụng. Nguyễn Hồng K1 dùng xe vào mục đích phạm tội thì chị V và anh K3 không biết. Chủ sở hữu không có lỗi trong việc giao xe, nên Cơ quan điều tra trả lại cho chị V.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 357/KLTTCT-TTPY ĐT, ngày 07/01/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận: Sẹo vết thương phần mềm mặt sau cẳng tay phải, kích thước trung bình; Tỷ lệ tổn thương: 02%. Sẹo vết thương phần mềm lưng phải, kích thước lớn; Tỷ lệ tổn thương: 03%. Sẹo vết thương phần mềm mặt trong 1/3 cẳng chân phải, kích thước trung bình; Tỷ lệ tổn thương: 02%. Sẹo vết thương phần mềm + Sẹo mổ mặt trước ngoài gối trái + Sẹo kèm đứt đơn thuần cơ tứ đầu đùi đã khâu nhưng còn làm yếu chân trái mức độ ít; Tỷ lệ tổn thương 08 %. Sẹo dẫn lưu 1/3 cẳng chân trái, kích thước nhỏ; Tỷ lệ tổn thương 01%. Gãy đầu dưới xương đùi trái; Tỷ lệ tổn thương: 13%. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Bảo K tại thời điểm giám định là 26%. Kết luận khác: Sẹo mổ, sẹo dẫn lưu do quá trình điều trị; Các tổn thương còn lại do vật sắc gây ra; Chiều hướng tác động gây ra tổn thương mặt sau cẳng

tay phải từ sau ra trước; Chiều hướng tác động gây ra tổn thương lưng phải từ trái sang phải; Chiều hướng tác động gây ra tổn thương mặt trong 1/3 trên cẳng chân phải từ trước ra sau; Chiều hướng tác động gây ra tổn thương mặt trước gối trái từ trước ra sau, từ trái sang phải.

Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 12/KLGĐĐT-TTPYĐT, ngày 17/02/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận: Đỗ Văn T có độ tuổi là 18 năm 03 tháng đến 18 năm 09 tháng (tại thời điểm giám định ngày 10/02/2025).

- Trách nhiệm dân sự: Biên bản thỏa thuận ngày 17/3/2025, bị hại K và người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo T bồi thường chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí khác tổng số tiền 10.000.000 đồng; yêu cầu Nguyễn Minh Đ và người đại diện hợp pháp bồi thường chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí khác tổng số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 17/4/2025, bị cáo T đã nộp 10.000.000 đồng (hiện Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự đang quản lý theo biên lai số 0003155), còn Nguyễn Minh Đ đồng ý bồi thường, hiện chưa có tiền bồi thường.

Tại Cáo trạng truy tố số 21/CT-VKSHN ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS), tuyên bố bị cáo phạm “Tội cố ý gây thương tích”, xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy vật chứng còn lại. Về dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp cho Đ là bà P1 tại phiên tòa.

Đối với Nguyễn Hồng K1 dùng xe mô tô chở bị cáo T, Nguyễn Văn K2 và chuẩn bị hung khí, Nguyễn Văn K2 chuẩn bị hung khí (dao tự chế), Bùi Quốc Đ1 dùng xe đạp điện chở Nguyễn Minh Đ đến hiện trường cho Đ, bị cáo T gây thương tích cho bị hại K. Tuy nhiên, tại thời điểm xảy ra sự việc Kỳ 14 tuổi 4 tháng, K2 14 tuổi 4 tháng, Đ1 10 tuổi 11 tháng, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nên không đặt ra xem xét.

Đối với 04 con dao mà bị cáo T, Đ, K2 và K1 đem đến nhà Phan Văn H1 cất giấu. H1 không biết hành vi phạm tội của bị cáo và không biết là hung khí dùng để gây thương tích cho người khác, ngay sau đó H1 đem 04 con dao nộp cho cơ quan Công an, nên không đặt ra xử lý đối với H1.

Bị cáo T không bào chữa, tranh luận, cũng không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo T có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm là con dao và Nguyễn Minh Đ (chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự) cùng dùng dao, cùng nhau gây ra tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại K là 26% như đã nêu ở phần nội dung vụ án. Do vậy, đã đủ căn cứ kết luận bị cáo T phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của BLHS, quy định:

“Điều 134. Tội cố ý gây thương tích

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng ... hung khí nguy hiểm...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm: ...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này...”

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành.

[6] Sức khỏe, tính mạng là vốn quý báu của con người, vì con người sống có sức khỏe mới tạo ra của cải vật chất cho gia đình và xã hội, mọi hành vi xâm hại đến sức khỏe, tính mạng đều phải bị pháp luật xử phạt một cách thích đáng, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, trực tiếp xâm phạm, gây tổn thương cơ thể của người khác được pháp luật

bảo vệ. Cụ thể, bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại K, trong khi sự việc mâu thuẫn là của Đ, lẽ ra phải có cách xử sự tốt hơn, nhưng vì bản tính côn đồ, hung hăng, thích hành xử với người khác bằng bạo lực, tụ tập bạn bè xấu gây ra hành vi phạm tội.

[7] Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật, nên phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Xét tính chất, mức độ, ý thức và hậu quả của tội phạm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện răn đe, giáo dục giúp bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho những ai có tư tưởng thích dùng bạo lực tương tự.

[8] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Chưa có.

[10] Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đã bồi thường một phần cho bị hại; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS; Bị cáo phạm tội lần đầu, trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, tại phiên tòa đã thỏa thuận bồi thường thêm thiệt hại cho bị hại, nên Hội đồng xét xử xem xét là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Căn cứ vào các tình tiết vừa nêu để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận; sự thỏa thuận của bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại phiên tòa là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật nên công nhận.

[12] Về xử lý vật chứng: Viện kiểm sát đề nghị phù hợp nên chấp nhận.

[13] Các vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập là phù hợp nên không xem xét.

[14] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 586, 587 và 590 Bộ luật Dân sự, công nhận sự thỏa thuận của bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

2.1. Bị cáo Đỗ Văn T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Lê Bảo K số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

2.2. Tiếp tục quản lý số tiền bị cáo T đã nộp 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003155 ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, để chi trả cho bị hại Lê Bảo K khi có yêu cầu. Bị cáo T còn phải bồi thường tiếp 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

2.3. Nguyễn Minh Đ và cha, mẹ của Nguyễn Minh Đ là Nguyễn Hoài P và Lê Thị Trúc M có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Lê Bảo K số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

2.4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao có chiều dài 52 cm, cán bằng gỗ dài 13,5 cm, lưỡi bằng kim loại có chiều dài 38,5 cm bề bản của cây dao là 04 cm, lưỡi bị cong A ngoài mũi dao; 01 (một) con dao có chiều dài 50 cm, cán bằng gỗ dài 13 cm, chiều dài lưỡi dao 37 cm mũi dao bầu nhọn, bề bản nơi rộng nhất 05 cm, nơi hẹp nhất 04 cm; 01 (một) con dao có chiều dài 62 cm; cán vuông bằng kim loại được quấn bằng băng keo màu đen dài 18 cm, lưỡi bằng kim loại dài 44 cm mũi dao bầu nhọn bề bản cây dao 3,2 cm; 01 (một) con dao có chiều dài 52 cm, cán bằng gỗ dài 13,5 cm, lưỡi bằng kim loại có chiều dài 38,5 cm bề bản của cây dao là 04 cm. Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp quản lý theo Biên bản giao, nhận ngày 16 tháng 5 năm 2025.

4. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30 tháng 6 năm 2025). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Phần quyết định bồi thường thiệt hại về sức khỏe được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú